CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN
Số: 40 /NQ-DHĐCĐ-2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

*TP.Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 10 năm 2017*

# NGHỊ QUYẾT
# ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2017
# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/07/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300424088 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố cấp, thay đổi lần thứ 8, ngày 24/12/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn;

Căn cứ Kết quả biểu quyết thông qua các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2017 và Biên bản họp ĐHĐCĐ bất thường ngày 24 tháng 10 năm 2017 của Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn (trụ sở chính: 9 Nguyễn Công Trứ, P.NTB, Quận 1, TP.HCM), với sự tham dự biểu quyết của 27/490 cổ đông, đại diện cho 13.031.523 cổ phần, đạt tỉ lệ: 90,37% trên tổng số 14.420.000 cổ phần của Công ty,

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Thông qua việc cho cổ đông Trịnh Minh Hiếu được chuyển nhượng cổ phần chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần đang nắm giữ tại Công ty cho cổ đông là Công ty TNHH Dịch vụ Tiếp vận Toàn cầu (GLS) theo phương thức giao dịch thỏa thuận (không kể số phiếu đồng ý của cổ đông GLS và Trịnh Minh Hiếu)**

Đại hội thống nhất thông qua việc đồng ý cho cổ đông Trịnh Minh Hiếu chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần đang nắm giữ tại Công ty cho cổ đông là Công ty TNHH Dịch vụ Tiếp vận Toàn cầu (GLS) theo phương thức giao dịch thỏa thuận.

**Tỉ lệ cổ phần biểu quyết đồng ý tại Đại hội đạt: 100%**

**Điều 2. Thống nhất thông qua tạm ứng cổ tức cho các cổ đông bằng tiền mặt cho năm tài chính 2017 theo tờ trình của HĐQT tại ĐHĐCĐ bất thường năm 2017**

Đại hội thống nhất thông qua tạm ứng cổ tức 10% cho các cổ đông bằng tiền mặt cho năm tài chính 2017 theo tờ trình của HĐQT tại ĐHĐCĐ bất thường năm 2017.

**Tỉ lệ cổ phần biểu quyết đồng ý tại Đại hội đạt: 100%**

**Điều 3. Thống nhất thông qua việc thay thế người đại diện cho cổ đông Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt tham gia thành viên HĐQT đối với ông Trần Thiện.**

Đại hội thống nhất thông qua việc thay thế người đại diện cho cổ đông Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt tham gia thành viên HĐQT đối với ông Trần Thiện.

Ông Trần Thiện trở thành là người đại diện cho cổ đông cho Công ty TNHH Dịch vụ Tiếp vận Toàn cầu tiếp tục tham gia thành viên HĐQT.

**Tỉ lệ cổ phần biểu quyết đồng ý tại Đại hội đạt: 100%**

**Điều 4. Thông qua số lượng, danh sách ứng cử viên và kết quả bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị NK III (2016 – 2021)**

Đại hội thống nhất thông qua số lượng, danh sách ứng cử viên và kết quả bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị NK III (2016 – 2021) như sau:

1. Số lượng và danh sách ứng cử viên HĐQT NK III (2016 – 2021): 01 người

2. Kết quả bầu cử bổ sung thành viên HĐQT NK 2016 – 2021:

| TT | Họ và tên | Tỷ lệ Cổ phần đồng ý (%) |
|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Thị Kim Hồng | 100 |

**Điều 5. Thông qua số lượng, danh sách ứng cử viên và kết quả bầu cử thay thế Kiểm soát viên NK 2016 – 2021**

Đại hội thống nhất thông qua số lượng, danh sách ứng cử viên và kết quả bầu cử thay thế Kiểm soát viên NK 2016 – 2021 như sau:

1. Số lượng và danh sách ứng cử viên Kiểm soát viên NK 2016 – 2021: 01 người
2. Kết quả bầu cử thay thế Kiểm soát viên NK 2016 – 2021:

| TT | Họ và tên | Tỷ lệ Cổ phần đồng ý (%) |
|---|---|---|
| 1 | Bùi Viết Phú | 100 |

**Điều 6. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung của Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty năm 2017:**

Đại hội thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung của Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty năm 2017

**1. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn**

Thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn. (Các nội dung sửa đổi, bổ sung đối với Điều lệ được đính kèm theo Nghị quyết này)

**2. Ủy quyền và tổ chức thực hiện**

Giao cho Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn tổ chức hoàn thiện, ký ban hành Điều lệ mới đã được cập nhật các điểm sửa đổi, bổ sung như đã trình bày.

**Tỉ lệ cổ phần biểu quyết tán thành tại Đại hội đạt: 100%**

**Điều 7. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung của Quy chế tài chính Công ty năm 2017:**

Đại hội thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung của Quy chế tài chính Công ty năm 2017

**1. Sửa đổi, bổ sung Quy chế tài chính hiện hành của Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn**

Thông qua Quy chế tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn. (Các nội dung sửa đổi, bổ sung đối với Quy chế được đính kèm theo Nghị quyết này)

**2. Ủy quyền và tổ chức thực hiện**

Giao cho Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn tổ chức hoàn thiện, ký ban hành Quy chế mới đã được cập nhật các điểm sửa đổi, bổ sung như đã trình bày.

**Tỉ lệ cổ phần biểu quyết tán thành tại Đại hội đạt: 100%**

**Điều 8. Nghị quyết có hiệu lực**

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2017 của Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn thông qua toàn văn tại cuộc họp và có hiệu lực kể từ ngày 24/10/2017.

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm sao gửi Nghị quyết đến toàn thể cổ đông, cơ quan hữu quan và công bố trên website Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn theo đúng quy định của pháp luật.

**Điều 9. Điều khoản thi hành**

Đại hội thống nhất giao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành chịu trách nhiệm phổ biến, quán triệt, triển khai thực hiện và kiểm tra giám sát quá trình thực hiện theo tinh thần Nghị quyết.

Tất cả cổ đông Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**
**CHỦ TỊCH**

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN
S.Đ.K.K.D: 4103004628 - C.T.C.P - QUẬN 1 TP. HỒ CHÍ MINH

Lê Văn Pha

***Nơi nhận:***
- Như Điều 9;
- UBCKNN, Sở GDCK Hà Nội;
- TTLKCKVN-CNTP.HCM;
- Các đơn vị chức năng liên quan;
- HĐQT, Ban KS;
- Lưu: VT, HCQT.

CÔNG TY Cˀ PHЬïN V⁎N TЧI BIqN SÀI GÒN

Digitally signed by CÔNG TY Cˀ PHЬïN V⁎N TЧI BIqN SÀI GÒN
DN: cn=CÔNG TY Cˀ PHЬïN V⁎N TЧI BIqN SÀI GÒN c=VN l=Quфn 1
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2017-10-25 16:07+07:00

CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

# PHỤ LỤC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỦA CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

*Ghi chú:*

- Cơ sở sửa đổi:
  + Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014 (gọi tắt là Luật DN 2014)
  + Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2010 (gọi tắt là Luật Chứng khoán)
  + Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 HĐ về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng (gọi tắt là Nghị định 71)
  + và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật DN, Quy định có liên quan đến công ty cổ phần.

- Những điều không ghi chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi

- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục "Quy định tại Điều lệ hiện hành" là các dòng chữ thể hiện dưới dạng gạch chân

- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục "Nội dung đề nghị sửa đổi" là phần in nghiêng, bôi đậm.

| Nội dung (Điều khoản/mục/trích yếu) | Quy định tại Điều lệ công ty hiện hành (biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 và tu chỉnh năm 2017) | Nội dung đề nghị sửa đổi | Lý do sửa đổi |
|---|---|---|---|
| | **PHẦN MỞ ĐẦU** | | |
| | Điều lệ này của Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn (dưới đây gọi tắt là Công ty) là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty, một Công ty được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.<br>Điều lệ, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Quyết định của Hội Đồng Quản Trị và các Quyết định khác của Công ty nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.<br>Điều lệ này được thông qua và chấp thuận toàn văn theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày *25 tháng 04* năm 2017 (sau đây gọi tắt là Điều lệ), gồm: 10 chương, 68 điều.<br>Điều lệ này thay thế: Điều lệ đầu tiên được thông qua các cổ đông tại Đại hội cổ đông thành lập Công ty tổ chức vào ngày 22 tháng 12 năm 2005; Điều lệ thay thế Điều lệ đầu tiên được thông qua các cổ đông tại Đại hội cổ đông ngày 30 tháng 01 năm 2007 (sửa đổi, bổ sung lần 1 ngày 14.4.2010 tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2010; sửa đổi bổ sung lần 2 ngày 20.4.2011 tại ĐHĐCĐ thường niên 2011). | Điều lệ này của Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn (dưới đây gọi tắt là Công ty) là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty, một Công ty được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.<br>Điều lệ, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Quyết định của Hội Đồng Quản Trị và các Quyết định khác của Công ty nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.<br>Điều lệ này được thông qua và chấp thuận toàn văn theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông ***bất thường*** tổ chức chính thức vào ngày ***24 tháng 10*** năm 2017 (sau đây gọi tắt là Điều lệ), gồm: 10 chương, 68 điều.<br>Điều lệ này thay thế: Điều lệ đầu tiên được thông qua các cổ đông tại Đại hội cổ đông thành lập Công ty tổ chức vào ngày 22 tháng 12 năm 2005; Điều lệ thay thế Điều lệ đầu tiên được thông qua các cổ đông tại Đại hội cổ đông ngày 30 tháng 01 năm 2007 (sửa đổi, bổ sung lần 1 ngày 14.4.2010 tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2010; sửa đổi bổ sung lần 2 ngày 20.4.2011 tại ĐHĐCĐ thường niên 2011; ***sửa đổi bổ sung lần 3 ngày 25.4.2017 tại ĐHĐCĐ thường niên 2017***). | |
| | **GIẢI THÍCH TỪ NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ** | | |
| Điểm 1 | | ***b. Luật chứng khoán" có nghĩa là Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2010.*** | bổ sung |
| Điểm 1 khoản d | *d.* "Ban Tổng Giám đốc" bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc ***và các Giám đốc phụ trách khối*** của Công ty. | *e.* "Ban Tổng Giám đốc" bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc của Công ty. | Rà soát, sửa đổi cho phù hợp với tình hình thực tế của công ty |
| Điểm 1 | | ***f. "Người điều hành công ty" là Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các Cán bộ quản lý.*** | bổ sung theo Điều 2 khoản 5 Nghị định 71 |

| Nội dung (Điều khoản/mục/trích yếu) | Quy định tại Điều lệ công ty hiện hành (biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 và tu chỉnh năm 2017) | Nội dung đề nghị sửa đổi | Lý do sửa đổi |
|---|---|---|---|
| Điểm 1 | | *g. "Thành viên quản trị không điều hành" (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Cán bộ quản lý khác.* | bổ sung theo Điều 2 khoản 6 Nghị định 71 |
| Điểm 1 | | *m. "Cổ đông lớn" là Cổ đông sở hữu trực tiếp, hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty* | bổ sung theo Điều 6 khoản 9 Luật chứng khoán |
| Điểm 1 khoản f | f. "Cán bộ quản lý *nghiệp vụ*" bao gồm Trưởng, Phó các phòng, ban, Giám đốc, Phó Giám đốc các chi nhánh, văn phòng đại diện và trung tâm của Công ty. | *i. "Cán bộ quản lý"* bao gồm Trưởng, Phó các phòng, ban, Giám đốc, Phó Giám đốc các chi nhánh, văn phòng đại diện, trung tâm của Công ty *và người đại diện phần vốn tại các đơn vị mà công ty có vốn góp.* | Rà soát, sửa đổi cho phù hợp với tình hình thực tế của công ty |
| **Điều 8** | **Nghĩa vụ của Công ty** | | |
| Điều 8 khoản 3 | 3. Đăng ký mã số thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật *về bảo hiểm* | 3. Đăng ký mã số thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật | Rà soát, sửa đổi cho phù hợp với tình hình thực tế của công ty |
| **Điều 11** | **Cổ phần – Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần – Cổ phiếu** | | |
| Điều 11 khoản 4 | 4. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức Cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. *Chủ tịch HĐQT và* Tổng Giám đốc Công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với Công ty. | 4. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức Cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Tổng Giám đốc Công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với Công ty. | Rà soát, sửa đổi cho phù hợp với tình hình thực tế của công ty |
| **Điều 12** | **Chào bán cổ phần** | | |
| Điều 12 khoản 3 | 3. Cổ đông của Công ty vào thời điểm phát hành thêm cổ phần được quyền ưu tiên mua cổ phần theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần hiện đang nắm giữ, hoặc do *HĐQT* quyết định. | 3. Cổ đông của Công ty vào thời điểm phát hành thêm cổ phần được quyền ưu tiên mua cổ phần theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần hiện đang nắm giữ, hoặc do *ĐHĐCĐ* quyết định. | Rà soát, sửa đổi cho phù hợp |
| **Điều 13** | **Chuyển nhượng Cổ phần** | | |
| Điều 13 khoản 1 | 1. Các cổ phần phổ thông đều được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp bị hạn chế theo quy định *tại Điều 13 Điều lệ và các quy định* của pháp luật. | 1. Các cổ phần phổ thông đều được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp bị hạn chế theo quy định của pháp luật. | Rà soát, sửa đổi cho phù hợp |
| Điều 13 khoản 5 | 5. Các quy định khác về chuyển nhượng cổ phần được thực hiện theo Luật doanh nghiệp. | 5. Các quy định khác về chuyển nhượng cổ phần được thực hiện theo Luật doanh nghiệp *và Luật Chứng khoán.* | Rà soát, sửa đổi cho phù hợp |
| **Điều 15** | **Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty** | | |
| Điều 15 khoản 1 | 1. HĐQT quyết định việc mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong *mỗi* 12 tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do ĐHĐCĐ quyết định. | 1. HĐQT quyết định việc mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do ĐHĐCĐ quyết định. | Điều 130 khoản 1 Luật DN 2014 |
| **Điều 17** | **Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại** | | |
| Điều 17 khoản 4 | 4. Cổ phiếu đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. *Chủ tịch HĐQT* và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy Cổ phiếu gây ra đối với Công ty | 4. Cổ phiếu đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. *Các thành viên HĐQT* và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy Cổ phiếu gây ra đối với Công ty | Rà soát, sửa đổi cho phù hợp |
| **Điều 18** | **Cơ cấu tổ chức quản lý** | | |
| | a. Đại Hội Đồng Cổ Đông;<br>b. Hội Đồng Quản Trị;<br>c. *Ban Tổng Giám đốc;*<br>d. *Ban Kiểm soát.* | a. Đại Hội Đồng Cổ Đông;<br>b. Hội Đồng Quản Trị;<br>*c. Ban Kiểm soát.*<br>*d. Tổng Giám đốc;* | Điều 134 điểm 1 khoản a Luật DN Cơ cấu tổ chức quản lý công ty cổ phần |
| **Điều 19** | **Nghĩa vụ chung của người quản lý Công ty, người điều hành và cán bộ quản lý *nghiệp vụ***<br>Người quản lý Công ty, người điều hành và cán bộ quản lý *nghiệp vụ* của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình có các nghĩa vụ sau: | **Nghĩa vụ chung của người quản lý Công ty, người điều hành và cán bộ quản lý**<br>Người quản lý Công ty, người điều hành và cán bộ quản lý của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình có các nghĩa vụ sau: | Sửa đổi câu chữ cho phù hợp với Điểm 1 giải thích từ ngữ trong Điều lệ |
| **Điều 20** | **Quy định chung về cổ đông** | | |

| Nội dung (Điều khoản/mục/trích yếu) | Quy định tại Điều lệ công ty hiện hành (biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 và tu chỉnh năm 2017) | Nội dung đề nghị sửa đổi | Lý do sửa đổi |
|---|---|---|---|
| Điều 20 Khoản 4 | 4. Cổ đông sáng lập: là những cổ đông có đủ các điều kiện sau:<br>a. Tham gia thông qua điều lệ lần đầu.<br>b. Cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% số cổ phần phổ thông được quyền chào bán.<br>c. Sở hữu số lượng cổ phần đảm bảo mức tối thiểu là 5% tổng số cổ phần.<br>d. Số cổ đông sáng lập tối thiểu là 3 (ba) cổ đông. | | đề nghị bỏ, vì công ty đã hoạt động theo hình thức công ty cổ phần > 3 năm |
| **Điều 21** | **Quyền của cổ đông phổ thông** | | |
| Điều 21 khoản 1 | | ***i. Được quyền khởi kiện theo điều 161 của Luật Doanh nghiệp*** | Bổ sung |
| | *i.* Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. | *j*. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. | thay đổi thứ tự thành khoản j Điều này |
| Điều 21 khoản 2 điểm a | 2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ ***5%*** tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng được ứng cử hoặc đề cử thành viên vào HĐQT và BKS của Công ty:<br>'a. Số thành viên được ứng cử hoặc đề cử theo tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty được quy định như sau:<br>- Tỷ lệ nắm giữ từ ***5%*** đến dưới ***10%*** được ***tối đa*** 1 thành viên.<br>- Tỷ lệ nắm giữ từ ***10%*** đến dưới 30% được ***tối đa*** 2 thành viên.<br>- Tỷ lệ nắm giữ từ 30% đến dưới 50% được ***tối đa*** 3 thành viên.<br>- Tỷ lệ nắm giữ từ 50% đến dưới 65% được ***tối đa*** 4 thành viên.<br>***- Tỷ lệ nắm giữ từ 65% trở lên được cử đủ số thành viên.*** | 2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ ***10%*** tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng được ứng cử hoặc đề cử thành viên vào HĐQT và BKS của Công ty:<br>a. Số thành viên được ứng cử hoặc đề cử ***tham gia HĐQT*** theo tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty được quy định như sau:<br>- Tỷ lệ nắm giữ từ ***10%*** đến dưới ***20%*** được tối đa 1 thành viên.<br>- Tỷ lệ nắm giữ từ ***20%*** đến dưới 30% được tối đa 2 thành viên.<br>- Tỷ lệ nắm giữ từ 30% đến dưới 50% được tối đa 3 thành viên.<br>- Tỷ lệ nắm giữ từ 50% đến dưới 65% được tối đa 4 thành viên. | Rà soát, sửa đổi cho phù hợp với tình hình thực tế của công ty |
| Điều 21 khoản 2 điểm b | | ***b. Số thành viên được ứng cử hoặc đề cử tham gia BKS theo tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty được quy định như sau:***<br***- Tỷ lệ nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được tối đa 1 thành viên.***<br***- Tỷ lệ nắm giữ từ 30% đến dưới 50% được tối đa 2 thành viên.***<br***- Tỷ lệ nắm giữ từ 50% đến dưới 65% được tối đa 3 thành viên.*** | Bổ sung |
| Điều 21 khoản 3 điểm a | a. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau đây:<br>- HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao. | a. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau đây:<br>- HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.<br***Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.*** | Bổ sung |
| Điều 21 khoản 3 điểm c | Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; ***căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCD. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.*** | Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra. | Rà soát, sửa đổi cho phù hợp với tình hình thực tế của công ty |
| **Điều 22** | **Nghĩa vụ của các cổ đông** | | |

| Nội dung (Điều khoản/mục/trích yếu) | Quy định tại Điều lệ công ty hiện hành (biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 và tu chỉnh năm 2017) | Nội dung đề nghị sửa đổi | Lý do sửa đổi |
|---|---|---|---|
| Điều 22 khoản 1 | 1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.<br>Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì ***HĐQT và Tổng Giám đốc công ty*** phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra. | 1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.<br>Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần.<br>Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì ***cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty*** phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra. | Điều 115 khoản 1 Luật DN 2014 |
| Điều 22 khoản 6 | | ***6. Nghĩa vụ của cổ đông lớn:***<br>***Cổ đông lớn có nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:***<br>***a. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của công ty và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;***<br>***b. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.*** | bổ sung theo Điều 5 Nghị định 71 |
| **Điều 24** | **Đại hội đồng cổ đông *thường niên*** | **Đại hội đồng cổ đông** | |
| Điều 24 khoản 1 | *1.* ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm một lần theo triệu tập của HĐQT. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của HĐQT, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn nhưng không được quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Địa điểm họp ĐHĐCĐ phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. | *2.* ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm một lần theo triệu tập của HĐQT. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của HĐQT, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn nhưng không được quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Địa điểm họp ĐHĐCĐ phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. | rà soát, sắp xếp đổi thứ tự cho phù hợp (đổi thành khoản 2) |
| Điều 24 khoản 2 | *2.* Quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ *thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:*<br>***a. Thông qua báo cáo của HĐQT đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh của Công ty.***<br>***b. Thông qua báo cáo của BKS về quản lý Công ty của HĐQT, Tổng Giám đốc.***<br>***c. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận; chia cổ tức và trích lập, sử dụng các quỹ theo đề nghị của HĐQT.***<br>***d. Quyết định phương hướng, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư của năm tài chính mới.***<br>***e. Quyết định tăng, giảm Vốn điều lệ.***<br>***f. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán.***<br>***g. Xem xét sai phạm và quyết định hình thức xử lý đối với thành viên HĐQT, BKS gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty.***<br>***h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và BKS nếu hết nhiệm kỳ hoặc bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT và BKS theo quy định của Điều lệ.***<br>***i. Ấn định mức thù lao và các quyền lợi của các thành viên HĐQT và BKS.***<br>***j. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán.*** | *1.* Quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ:<br>***a) Thông qua định hướng phát triển của công ty;***<br>***b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;***<br>***c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;***<br>***d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;***<br>***e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;***<br>***f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;***<br>***g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;***<br>***h) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;***<br>***i) Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;***<br>***j) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.*** | Điều 135 khoản 2 Luật DN 2014; rà soát, sửa đổi, sắp xếp đổi thứ tự cho phù hợp (đổi thành khoản 1) |

| Nội dung (Điều khoản/mục/trích yếu) | Quy định tại Điều lệ công ty hiện hành (biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 và tu chỉnh năm 2017) | Nội dung đề nghị sửa đổi | Lý do sửa đổi |
|---|---|---|---|
| | *k. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty.*<br>*l. Thông qua định hướng phát triển của Công ty, quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.*<br>*m. Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.*<br>*n. Các vấn đề khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.* | | |
| Điều 24 khoản 3 | | *3. ĐHĐCD thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:*<br>*a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;*<br>*b. Báo cáo tài chính hằng năm;*<br>*c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;*<br>*d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;*<br>*e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;*<br>*f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;*<br>*g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.* | bổ sung theo Điều 136 Khoản 2 Luật DN 2014 |
| **Điều 26** | **Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, thông báo và điều kiện tiến hành họp** | | |
| Điều 26 khoản 5 điểm a | a. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp; *trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì thành viên HĐQT có chức vụ cao nhất điều khiển để ĐHĐCD bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp* và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. | a. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp *theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp;* và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. | Điều 142 khoản 2 điểm a Luật DN |
| Điều 26 khoản 5 điểm c | c. Chủ tọa cử *một* người làm thư ký lập biên bản họp ĐHĐCĐ | c. Chủ tọa cử một, *hoặc một số* người làm thư ký lập biên bản họp ĐHĐCĐ | bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế |
| **Điều 27** | **Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông** | | |
| Điều 27 khoản 1 điểm f | f. Các vấn đề cần thảo luận và biểu quyết tại ĐHĐCĐ; số phiếu *chấp thuận, số phiếu chống và số phiếu trắng* ; các vấn đề đã được thông qua | f. Các vấn đề cần thảo luận và biểu quyết tại ĐHĐCĐ; số phiếu *tán thành, không tán thành và không có ý kiến;* các vấn đề đã được thông qua | Rà soát, sửa đổi câu chữ cho phù hợp |
| **Điều 29** | **Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông** | | |
| Điều 29 khoản 3 điểm d | d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử | d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, *hoặc* fax, *hoặc* thư điện tử *trước 02 ngày tổ chức ĐHĐCD về Công ty theo địa chỉ được ghi trên thông báo.* | bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế |
| **Điều 30** | **Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông** | | |
| Điều 30 khoản 1 | 1. Hình thức thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ: ĐHĐCĐ thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, bỏ phiếu kín hoặc hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. | 1. Hình thức thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ: ĐHĐCĐ thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, bỏ phiếu kín hoặc hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.<br>*Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được thông báo đến cổ đông có quyền biểu quyết dự họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Nghị quyết được thông qua; việc gửi Nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty.* | Điều 144 khoản 5 Luật DN 2014; rà soát, bổ sung, sắp xếp đổi thứ tự cho phù hợp |

| Nội dung (Điều khoản/mục/trích yếu) | Quy định tại Điều lệ công ty hiện hành (biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 và tu chỉnh năm 2017) | Nội dung đề nghị sửa đổi | Lý do sửa đổi |
|---|---|---|---|
| Điều 30 khoản 2 | c. Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua khi có số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận trừ trường hợp quy định tại điểm *d và* e, Khoản 2 Điều này. | c. Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua khi có số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận trừ trường hợp quy định tại điểm e, Khoản 2 Điều này. | Rà soát, sửa đổi cho phù hợp với tình hình thực tế của công ty |
| Điều 30 khoản 2 | d. Đối với quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại; thay đổi ngành nghề kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức Công ty; sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty; tổ chức lại, giải thể Công ty; dự án đầu tư, bán tài sản thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận. | | thay đổi bổ sung bằng khoản 3 Điều này |
| Điều 30 khoản 3 | | ***3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:***<br>***a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;***<br>***b. Định hướng phát triển công ty;***<br>***c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;***<br>***d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;***<br>***e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.***<br>***f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;***<br>***g. Tổ chức lại, giải thể công ty.*** | Điều 143 khoản 2 Luật DN 2014 |
| Điều 30 khoản 3, 4 | *3*. Các nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.<br>*4.* Nghị quyết hợp lệ của ĐHĐCĐ có hiệu lực thi hành đối với cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến. | *4.* Các nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.<br>*5.* Nghị quyết hợp lệ của ĐHĐCĐ có hiệu lực thi hành đối với cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến. | rà soát, thay đổi thứ tự cho phù hợp |
| **Điều 31** | **Thông qua Nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản** | | |
| Điều 31 khoản 1 | *1. Trường hợp thông qua* Nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản *thì* Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận *và được thực hiện theo các thủ tục quy định tại khoản 2 của điều này.* | ***Trừ trường hợp qui định khoản 3 Điều 30 Điều lệ này,*** Nghị quyết *có thể được thông qua* dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận. | Rà soát, bổ sung theo Điều 145 Luật DN 2014 |
| Điều 31 khoản 2 điểm c | *c. Nghị quyết của DHĐCĐ phải được thông báo đến cổ đông có quyền biểu quyết dự họp DHĐCĐ trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Nghị quyết được thông qua.* | | đã được thay thế bằng Điều 30 khoản 1 của Điều lệ |
| **Điều 33** | **Quy định chung về Hội đồng quản trị** | | |
| Điều 33 khoản 3 | 3. Thành viên HĐQT không nhất thiết là cổ đông của Công ty. Thành viên HĐQT có thể kiêm nhiệm các chức vụ trong Ban Tổng Giám đốc Công ty ("thành viên *kiêm nhiệm*"), hoặc có thể là thành viên *độc lập* không tham gia Ban Tổng Giám đốc ("thành viên *chuyên trách*") | 3. Thành viên HĐQT không nhất thiết là cổ đông của Công ty. Thành viên HĐQT có thể kiêm nhiệm các chức vụ trong Ban Tổng Giám đốc Công ty ("thành viên *điều hành*"), hoặc có thể là thành viên không tham gia Ban Tổng Giám đốc ("thành viên *không điều hành*") | Rà soát, sửa đổi cho phù hợp với tình hình thực tế của công ty |

| Nội dung (Điều khoản/mục/trích yếu) | Quy định tại Điều lệ công ty hiện hành (biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 và tu chỉnh năm 2017) | Nội dung đề nghị sửa đổi | Lý do sửa đổi |
|---|---|---|---|
| Điều 33 khoản 5 điểm a | 5. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT:<br>a. Là cổ đông cá nhân hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất *5%* tổng số cổ phần phổ thông hoặc người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty. | 5. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT:<br>a. Là cổ đông cá nhân hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất *10%* tổng số cổ phần phổ thông hoặc người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty. | Điều 114 khoản 2 Luật DN 2014 |
| **Điều 36** | **Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị** | | |
| Điều 36 khoản 1 điểm d | d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đối với Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc, *các Giám đốc phụ trách khối*, Kế toán trưởng, *Giám đốc công ty con*, quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó. | d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đối với Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng; quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó; *thông qua nhân sự Trưởng phòng, Giám đốc chi nhánh do Tổng Giám đốc đề xuất và bổ nhiệm.* | Rà soát, sửa đổi cho phù hợp với tình hình thực tế của công ty |
| Điều 36 khoản 1 điểm f | f. Thông qua các hợp đồng mua bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác *có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 3 Điều 50 Điều lệ* | f. Thông qua các hợp đồng mua bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác - *có thời hạn lớn hơn 02 năm, hoặc có tổng giá trị của mỗi hợp đồng giao dịch lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng qui định tại điểm d khoản 1 Điều 24 và khoản 3 Điều 50 Điều lệ.* | Điều 149 khoản 2 điểm h Luật DN 2014 |
| Điều 36 khoản 1 điểm i | i. Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào trong *mỗi* 12 tháng của Công ty; | *j.* Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào trong 12 tháng của Công ty; | Điều 130 khoản 1 Luật DN 2014 |
| Điều 36 khoản 1 điểm p | *p.* Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. | *g.* Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. | thay đổi thứ tự thành khoản g Điều này |
| Điều 36 điểm 2 khoản b | ***b. Quản trị Công ty theo đúng pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết ĐHĐCĐ. Mỗi thành viên trong HĐQT phải chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ này và những sai phạm do mình gây ra trong quản trị gây thiệt hại cho Công ty*** | ***b. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục trong thời hạn ít nhất 01 năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện nghị quyết nói trên*** | Điều 149 khoản 4 Luật DN |
| **Điều 38** | **Trường hợp *mất tư cách* thành viên Hội đồng quản trị** | **Trường hợp *không còn là* thành viên Hội đồng quản trị** | Rà soát, sửa đổi cho phù hợp |
| | ***Thành viên HĐQT bị mất tư cách*** trong các trường hợp sau:<br>1.Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.<br>2.Từ chức.<br>3.Bị bãi nhiệm theo quy định của ĐHĐCĐ.<br>4.Cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân.<br>5.Cổ đông là tổ chức không cử làm đại diện nữa.<br>6.Công ty bị chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật.<br>7.Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 5 Điều 33 Điều lệ này.<br>8.Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 6 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng. | ***Không còn là Thành viên HĐQT*** trong các trường hợp sau:<br>1.Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.<br>2.Từ chức.<br>3.Bị bãi nhiệm theo quy định của ĐHĐCĐ.<br>4.Cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân.<br>5.Cổ đông là tổ chức không cử làm đại diện nữa.<br>***6.Đại diện cho Cổ đông là cá nhân, hoặc tổ chức mà không còn sở hữu cổ phần Công ty***<br>7.Công ty bị chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật.<br>8.Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 5 Điều 33 Điều lệ này.<br>9.Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 6 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng | bổ sung |
| **Điều 40** | **Phân công nhiệm vụ và quyền hạn *giữa các thành viên trong HĐQT*** | **Phân công nhiệm vụ và quyền hạn *của thành viên HĐQT*** | Rà soát, sửa đổi cho phù hợp |

| Nội dung (Điều khoản/mục/trích yếu) | Quy định tại Điều lệ công ty hiện hành (biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 và tu chỉnh năm 2017) | Nội dung đề nghị sửa đổi | Lý do sửa đổi |
|---|---|---|---|
| Điều 40 khoản 3 | 3. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên HĐQT:<br>*a. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ.*<br>*b. Được quyền yêu cầu Ban Tổng Giám đốc cung cấp đầy đủ mọi tài liệu có liên quan đến hoạt động của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp tài liệu theo qui chế cung cấp thông tin công ty.*<br>*c. Tham dự phiên họp của HĐQT, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước ĐHĐCĐ và trước HĐQT về việc thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ được giao.*<br>*d. Nghiêm túc thực hiện Điều lệ của Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Thực hiện Nghị quyết của HĐQT có liên quan đến từng thành viên và sự phân công, phân nhiệm của HĐQT.*<br>*e. Những quy định khác về quyền hạn và trách nhiệm trước pháp luật.* | 3. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên HĐQT: *Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo qui định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty . Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra phải đảm bảo các trách nhiệm sau:*<br>*a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;*<br>*b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận;*<br>*c) Báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của công ty;*<br>*d) Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.* | Điều 14 khoản 1, 2 Nghị định 71 |
| **Điều 43** | **Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên** | | |
| Điều 43 khoản 1 | 1. *Các* Kiểm soát viên có nhiệm kỳ không quá 05 năm do ĐHĐCĐ bầu và có thể được bầu lại *vào kỳ ĐHĐCD tiếp theo* . | 1. Kiểm soát viên có nhiệm kỳ không quá 05 năm do ĐHĐCĐ bầu và có thể được bầu lại *với số nhiệm kì không hạn chế.* | Điều 163 khoản 1 Luật DN |
| Điều 43 khoản 2 | *2. Trong nhiệm kỳ có khiếm khuyết Kiểm soát viên BKS thì trong kỳ họp ĐHĐCĐ gần nhất phải bầu bổ sung.* | | Rà soát, sửa đổi câu chữ cho phù hợp |
| **Điều 45** | **Nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm soát viên, Ban Kiểm soát** | | |
| Điều 45 khoản 2 | 2. BKS phải họp ít nhất *một quý một lần.* Kiểm soát viên vắng mặt phải có báo cáo bằng văn bản. *Mỗi lần họp phải có biên bản gửi HĐQT và là tài liệu lưu giữ của Công ty.* | 2. BKS phải họp ít nhất *02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số Kiểm soát viên* . Kiểm soát viên vắng mặt phải có báo cáo bằng văn bản. | Điều 23 khoản 1 Nghị định 71 |
| Điều 45 khoản 3 điểm e | e. Các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và nghị quyết của ĐHĐCĐ | e. Các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, *các văn bản pháp luật hướng dẫn* và nghị quyết của ĐHĐCĐ | bổ sung |
| Điều 45 khoản 4 điểm b | *b. Được quyền yêu cầu Ban Tổng Giám đốc cung cấp tình hình, số liệu, tài liệu và thuyết minh các hoạt động kinh doanh của Công ty* | *b. Được quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.* | Điều 166 khoản 4 Luật DN |
| Điều 45 khoản 4 điểm c | c. Được *Chủ tịch HĐQT mời* tham dự *một số* cuộc họp HĐQT *khi cần thiết* , được phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với quyết định của HĐQT thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước ĐHĐCĐ gần nhất. | c. Được quyền tham dự cuộc họp HĐQT, được phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với quyết định của HĐQT thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước ĐHĐCĐ gần nhất. | Rà soát, sửa đổi cho phù hợp |
| Điều 45 khoản 4 điểm d | d. Các quyền khác theo quy định của Luật doanh nghiệp | d. Các quyền khác theo quy định của Luật doanh nghiệp *và các văn bản pháp luật hướng dẫn* | Rà soát, sửa đổi cho phù hợp |
| **Điều 48** | **Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc** | | |
| Điều 48 khoản 1 điểm c | c. Quyết định *tất cả* các vấn đề gồm việc ký kết các hợp đồng, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh *thường nhật* của Công ty theo quy định của pháp luật, sự phân cấp của HĐQT. | c. Quyết định các vấn đề gồm việc ký kết các hợp đồng, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh *hàng ngày* của Công ty theo quy định của pháp luật, sự phân cấp của HĐQT *và ĐHĐCD.* | Rà soát, sửa đổi cho phù hợp |
| Điều 48 khoản 1 | | *d. Quyết định và kí kết các hợp đồng giao dịch có thời hạn nhỏ hơn hoặc bằng 02 năm, hoặc có tổng giá trị của mỗi hợp đồng giao dịch nhỏ hơn hoặc bằng 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng qui định tại khoản 3 Điều 50 Điều lệ.* | bổ sung theo yêu cầu mới của HĐQT |

| Nội dung (Điều khoản/mục/trích yếu) | Quy định tại Điều lệ công ty hiện hành (biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 và tu chỉnh năm 2017) | Nội dung đề nghị sửa đổi | Lý do sửa đổi |
|---|---|---|---|
| Điều 48 khoản 1 điểm f | *f.* Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các cán bộ quản lý ***nghiệp vụ*** của Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT. | *g.* Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các cán bộ quản lý của Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT. | Rà soát, sửa đổi cho phù hợp |
| Điều 48 khoản 2 điểm b | b. Thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng năm do ***HĐQT*** thông qua. | b. Thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng năm do ***ĐHĐCĐ*** thông qua. | Rà soát, sửa đổi cho phù hợp |
| Điều 48 khoản 2 điểm d | d. Thực hiện ***tất cả*** các quy định của Điều lệ này, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, các quy chế của Công ty và tuân thủ các quy định của pháp luật. | d. Thực hiện các quy định của Điều lệ này, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, các quy chế của Công ty và tuân thủ các quy định của pháp luật. | Rà soát, sửa đổi cho phù hợp |
| **Điều 50** | **Các hợp đồng giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận** | | |
| Điều 50 khoản 1 điểm c | c. Doanh nghiệp mà thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần hoặc doanh nghiệp mà những người có liên quan của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên ***35%*** vốn điều lệ. | c. Doanh nghiệp mà thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần hoặc doanh nghiệp mà những người có liên quan của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên ***10%*** vốn điều lệ. | Điều 159 khoản 2 Luật DN 2014 |
| Điều 50 khoản 4 | 4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này và gây thiệt hại cho công ty. ***Người đại diện theo pháp luật của Công ty,*** cổ đông, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó. | 4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này và gây thiệt hại cho công ty. Cổ đông, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó. | Rà soát, sửa đổi cho phù hợp |
| **Điều 58** | **Kiểm toán** | | |
| | 1. Hàng năm theo đề xuất của ***HĐQT sẽ chỉ định chọn*** một Công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với HĐQT | 1. Hàng năm theo đề xuất của ***BKS, ĐHĐCD phê chuẩn*** một Công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo | Điều 22 khoản 1 Nghị định 71 |
| **Điều 60** | **Trích lập quỹ** | | |
| | Lợi nhuận sau thuế vào cuối năm tài chính, trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông phải trích lập các quỹ như sau: | *1.* Lợi nhuận sau thuế vào cuối năm tài chính, trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông phải trích lập các quỹ ***theo qui định của pháp luật*** | Rà soát, sửa đổi cho phù hợp, sắp xếp thứ tự |
| Điều 60 khoản 1 | ***1. Trích không quá 5% để lập quỹ dự phòng tài chính cho đến mức bằng 10% vốn Điều lệ.*** | | Thông tư 200/2014/TT-BTC không đề cập đến nội dung này |
| Điều 60 khoản 2 | 2. Việc trích tỷ lệ % cho các quỹ khen thưởng, phúc lợi, phát triển sản xuất do HĐQT trình ĐHĐCĐ quyết định căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm | 2. Tỉ lệ trích lập các quỹ do HĐQT trình ĐHĐCĐ quyết định căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm | Rà soát, sửa đổi cho phù hợp với tình hình thực tế của công ty |
| **Điều 63** | **Giải quyết tranh chấp nội bộ** | | |
| Điều 63 khoản 1 điểm b | b. Một cổ đông hay các cổ đông với HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý ***cao cấp*** thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải… | b. Một cổ đông hay các cổ đông với HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải… | Rà soát, sửa đổi cho phù hợp |

CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

# PHỤ LỤC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ TÀI CHÍNH CÔNG TY CỦA CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

**Ghi chú:**

1. Cơ sở pháp lý:
- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014 ("Luật DN 2014");
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19/10/2015 quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp;
- và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật DN, Quy định có liên quan đến công ty cổ phần.

2. Những nội dung không thể hiện trong Phụ lục này là không thay đổi trong Quy chế tài chính ban hành theo Quyết định số 27A/QĐ-HĐQT-SSC ngày 25/4/2017

| Nội dung (Điều khoản/mục/trích yếu) | Quy định tại Quy chế tài chính công ty hiện hành | Đề nghị sửa đổi | Lý do sửa đổi |
|---|---|---|---|
| CHƯƠNG II: QUẢN LÝ VỐN | | | |
| **Điều 6 - Quản lý và sử dụng vốn** | | | |
| Điều 6, Khoản 1, Điểm c | c.2. Chuyển đổi trái phiếu đã phát hành thành cổ phần được thực hiện khi đã đảm bảo đủ các điều kiện chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần theo phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi và theo quy định của pháp luật. | bỏ điểm c.2 | cho phù hợp với tình hình thực tế tại doanh nghiệp |
| Điều 6, Khoản 2, Điểm c<br>Điều 7<br>Điều 13 | quy định Thẩm quyền quyết định | quy định thêm tại mục Thẩm quyền quyết định: *(trừ trường hợp quy định tại điều 50 Điều lệ)* | Điều 50 quy định về các hợp đồng giao dịch phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận. Thẩm quyền quyết định đối với các dự án đầu tư, mua, bán tài sản…trong quy chế tài chính phải trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền riêng biệt của ĐHĐCĐ, HĐQT |
| Điều 6, Khoản 2, Điểm c<br>Điều 7<br>Điều 13 | quy định Thẩm quyền quyết định của TGĐ và HĐQT phải *trừ trường hợp quy định tại điều 24 và điều 50 Điều lệ* | bỏ khoản quy định thêm tại Thẩm quyền quyết định của TGĐ và HĐQT | |
| Điều 6, khoản 6.2, mục c | Tổng giá trị *sản phẩm* tài sản | Tổng giá trị tài sản | |
| ***Điều 6, khoản 6.2, mục c*** | Thẩm quyền quyết định TGĐ: Vay cá nhân, tổ chức *<35%*<br>***Điều kiện: Tổng dư nợ phải <50% tổng giá trị tài sản tại thời điểm vay.*** | Thẩm quyền quyết định TGĐ: ***Vay cá nhân, tổ chức*** *< 10%* | ***Điều 149, khoản 2, mục h / Luật DN năm 2014*** |
| | Thẩm quyền quyết định HĐQT: ***≥ 35%*** | Thẩm quyền quyết định HĐQT: ***≥ 10%*** | |
| Điều 6, khoản 6.2, mục c | ***Thẩm quyền quyết định: Nhận vốn góp liên kết, ủy thác đầu tư của các pháp nhân hay thể nhân trong và ngoài nước*** | ***bỏ khoản mục này*** | cho phù hợp với tình hình thực tế tại doanh nghiệp |
| Điều 6, khoản 6.2, mục c | Thẩm quyền quyết định: Phát hành cổ phiếu, *trái phiếu* | Thẩm quyền quyết định: Phát hành cổ phiếu | |
| Điều 6, khoản 6.2, mục c | Thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ: Biểu quyết thông qua Phương án | Thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ: ***Theo điều lệ,*** Biểu quyết thông qua Phương án | |
| ***QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ VÀ SỬ DỤNG VỐN*** | | | |
| **Điều 7 - Quyết định đầu tư và sử dụng vốn** | | | |
| Điều 7 - Sử dụng vốn để đầu tư các dự án, mua TSCĐ, tham gia góp vốn, liên doanh, liên kết, mua trái phiếu công ty, cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư. | Thẩm quyền quyết định TGĐ: Tổng giá trị tài sản *<20%* | ***bỏ khoản mục này*** | ***Điều 135, khoản 2, mục d / Luật DN năm 2014*** |
| | Thẩm quyền quyết định HĐQT: Tổng giá trị tài sản *20% - < 35%* | Thẩm quyền quyết định HĐQT: Tổng giá trị tài sản *<35%* | |

| Nội dung (Điều khoản/mục/trích yếu) | Quy định tại Quy chế tài chính công ty hiện hành | Đề nghị sửa đổi | Lý do sửa đổi |
|---|---|---|---|
| Điều 7 - Đầu tư TSCĐ, tài sản tài chính vượt mức giá trị được duyệt trong Kế hoạch Kinh doanh – Đầu tư – Tài chính của Công ty | Thẩm quyền quyết định TGĐ: Giá trị được phê duyệt trong Kế hoạch *<20%* | Thẩm quyền quyết định TGĐ: Giá trị được phê duyệt trong Kế hoạch *< 10%* | |
| | Thẩm quyền quyết định HĐQT: Giá trị được phê duyệt trong Kế hoạch *20% - < 35%* | Thẩm quyền quyết định HĐQT: Giá trị được phê duyệt trong Kế hoạch *10% - < 35%* | |
| Điều 7 - Đầu tư TSCĐ, tài sản tài chính không được phê duyệt trong Kế hoạch Kinh doanh - Đầu tư - Tài chính của Công ty. | Thẩm quyền quyết định TGĐ: Tổng giá trị tài sản *<5%* | Thẩm quyền quyết định TGĐ: Tổng giá trị tài sản *< 1%* | ***phân cấp quản lý theo Điều lệ công ty*** |
| | Thẩm quyền quyết định HĐQT: Tổng giá trị tài sản *5% - < 35%* | Thẩm quyền quyết định HĐQT: Tổng giá trị tài sản *1% - < 35%* | |
| Điều 7 - Công ty mua lại Cổ phần của Công ty đã phát hành | Thẩm quyền quyết định HĐQT: Cổ phần đã phát hành *<10%*<br>Thẩm quyền quyết định ĐHĐCĐ: Cổ phần đã phát hành *≥10%* đến mức tối đa theo quy định của pháp luật | Thẩm quyền quyết định HĐQT: Cổ phần đã phát hành *≤ 10%*<br>Thẩm quyền quyết định ĐHĐCĐ: Cổ phần đã phát hành *>10%* đến mức tối đa theo quy định của pháp luật | ***Điều 130, 135 Luật DN 2014*** |
| **Điều 11 - Đánh giá lại tài sản** | | | |
| Điều 11, khoản 1, điểm a | ***a. Kiểm kê, đánh giá lại tài sản theo Quyết định của HĐQT.*** | ***a. Theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.*** | rà soát, sửa đổi cho phù hợp |
| Điều 11, khoản 1, điểm c | ***c. Điều chỉnh giá để đảm bảo giá trị thực tế tài sản của Công ty.*** | ***bỏ khoản mục này*** | |
| Điều 11, khoản 3 | ***11.3 Tất cả việc đánh giá lại tài sản do HĐQT Công ty quyết định*** (trừ trường hợp đánh giá lại phục vụ cho nhượng bán, thanh lý tài sản cố định). | ***11.3 Các khoản chênh lệch tăng hoặc giảm giá trị do đánh giá lại tài sản được đề cập trên, được thực hiện theo qui định nhà nước đối với từng trường hợp cụ thể*** (trừ trường hợp đánh giá lại phục vụ cho nhượng bán, thanh lý tài sản cố định). | rà soát, sửa đổi cho phù hợp với quy định của pháp luật |
| **Điều 12 - Tổn thất tài sản** | | | |
| Điều 12, khoản 12.2, điểm b | b. Đối với những tổn thất do nguyên nhân khách quan, Tổng giám đốc phải lập phương án giải quyết tổn thất trình HĐQT xem xét, quyết định. ***Công ty được sử dụng quỹ dự phòng tài chính để bù đắp những thiệt hại về tổn thất tài sản mà Công ty phải chịu sau khi đã xử lý.*** | b. Đối với những tổn thất do nguyên nhân khách quan, Tổng giám đốc phải lập phương án giải quyết tổn thất trình HĐQT xem xét, quyết định. | rà soát, sửa đổi cho phù hợp với quy định của pháp luật |
| **Điều 13 - Nhượng bán, thanh lý tài sản** | | | |
| Điều 13, khoản 13.1 | 13.1 Công ty được chủ động nhượng bán tài sản để thu hồi vốn sử dụng cho mục đích kinh doanh có hiệu quả hơn, nhưng phải tuân theo điều 30, *31,* 50 của Điều lệ và điều 135, 143, 149 của Luật DN và các quy định liên quan khác của Pháp luật hiện hành. | 13.1 Công ty được chủ động nhượng bán tài sản để thu hồi vốn sử dụng cho mục đích kinh doanh có hiệu quả hơn, nhưng phải tuân theo điều 30, 50 của Điều lệ và điều 135, 143, 149 của Luật DN và các quy định liên quan khác của Pháp luật hiện hành. | |
| Điều 13, khoản 13.3 - | Giá trị sổ sách còn lại của tài sản sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty ***như tàu biển và các thiết bị đi kèm.*** | Giá trị sổ sách còn lại của tài sản sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty | cho phù hợp với tình hình thực tế tại doanh nghiệp |
| Điều 13, khoản 13.3 - Giá trị sổ sách còn lại của tài sản khác. | Nguyên giá của tài sản nhượng bán, thanh lý ***Tổng giá trị tài sản*** | Nguyên giá của tài sản nhượng bán, thanh lý ***≤ 2 tỉ đồng*** | cho phù hợp với tình hình thực tế tại doanh nghiệp |

| Nội dung (Điều khoản/mục/trích yếu) | Quy định tại Quy chế tài chính công ty hiện hành | Đề nghị sửa đổi | Lý do sửa đổi |
|---|---|---|---|
| | Thẩm quyền quyết định TGĐ:<br>Nguyên giá của tài sản nhượng bán, thanh lý: *< 35%*<br>***Tổng giá trị tài sản: < 10%*** | Thẩm quyền quyết định TGĐ:<br>Nguyên giá của tài sản nhượng bán, thanh lý ≤ 2 tỉ đồng: *≤ 10%* | phân cấp quản lý theo Điều lệ công ty |
| | Thẩm quyền quyết định HĐQT:<br>Nguyên giá của tài sản nhượng bán, thanh lý: *≥ 35 %*<br>***Tổng giá trị tài sản: 10% ÷ < 35%*** | Thẩm quyền quyết định HĐQT:<br>Nguyên giá của tài sản nhượng bán, thanh lý ≤ 2 tỉ đồng: *> 10%* | phân cấp quản lý theo Điều lệ công ty |
| | Thẩm quyền quyết định ĐHĐCĐ: *≥ 35%* | bỏ khoản mục này | Đối với nhóm tài sản khác, nếu Nguyên giá của tài sản nhượng bán, thanh lý > 2 tỉ đồng sẽ được thực hiện theo mục Giá trị sổ sách còn lại tài sản sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty |
| Điều 13, khoản 13.3 - Khoản đầu tư dài hạn. | ***Vốn chủ sở hữu &*** Tổng giá trị tài sản | ***Tổng giá trị tài sản*** | ***Điều 135, khoản 2, mục d / Luật DN năm 2014*** |
| | Thẩm quyền quyết định TGĐ:<br>Vốn chủ sở hữu & *<35%*<br>Tổng giá trị tài sản *<10%* | bỏ khoản mục này | |
| | Thẩm quyền quyết định HĐQT:<br>***Vốn chủ sở hữu & ≥ 35%***<br>Tổng giá trị tài sản *10% - <35%* | Thẩm quyền quyết định HĐQT:<br>***Tổng giá trị tài sản <35%*** | |
| **CHƯƠNG V: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN** | | | |
| **Điều 16 - Các khoản không được hoạch toán vào chi phí** | | | |
| Điều 16, khoản b | ***b. Các khoản chi thuộc nội dung chi của nguồn quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng*** | bỏ khoản mục này | rà soát, sửa đổi cho phù hợp với quy định của pháp luật |
| **Điều 17 - Định mức chi phí hoạt động** | | | |
| Điều 17, khoản 17.1, điểm a | a. Đối với đội Tàu ***biển*** sông như chi phí nhiên liệu, vật liệu, đồ dùng sinh hoạt, tiền ăn, tiền công ngoài chức trách, chế độ khác của thuyền viên. | a. Đối với đội Tàu sông như chi phí nhiên liệu, vật liệu, đồ dùng sinh hoạt, tiền ăn, tiền công ngoài chức trách, chế độ khác của thuyền viên. | rà soát, sửa đổi cho phù hợp với tình hình thực tế công ty |
| Điều 17, khoản 17.2 | 17.2 Các khoản chi tiếp khách, hội họp, giao dịch, đối ngoại, quảng cáo, tiếp thị, khuyến mãi, chi hoa hồng cho các dịch vụ phải gắn với kết quả kinh doanh ***và không được vượt mức 5% trên tổng chi phí của Công ty trong năm . Riêng*** khoản chi hoa hồng môi giới trong hoạt động kinh doanh ***vận tải đường biển*** được thể hiện chi tiết trên hợp đồng ***vận tải*** sẽ là khoản chi phí kinh doanh hợp lý của hoạt động này. Tổng Giám đốc xây dựng các định mức chi phí cụ thể để trình HĐQT phê duyệt, định mức này có thể thay đổi cho từng năm. | 17.2 Các khoản chi tiếp khách, hội họp, giao dịch, đối ngoại, quảng cáo, tiếp thị, khuyến mãi, chi hoa hồng cho các dịch vụ phải gắn với kết quả kinh doanh. Khoản chi hoa hồng môi giới trong hoạt động kinh doanh được thể hiện chi tiết trên hợp đồng vận tải sẽ là khoản chi phí kinh doanh hợp lý của hoạt động này. Tổng Giám đốc xây dựng các định mức chi phí cụ thể để trình HĐQT phê duyệt, định mức này có thể thay đổi cho từng năm. | rà soát, sửa đổi cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của công ty |
| Điều 17, khoản 17.4 | ***d. Ngoài quỹ lương kế hoạch năm, Công ty còn quỹ lương bổ sung tương đương với 5% lợi nhuận tăng thêm so với kế hoạch hàng năm.*** | bỏ khoản mục này | rà soát, sửa đổi cho phù hợp với tình hình thực tế công ty |
| Điều 17, khoản 17.7 | | ***17.7 Tiền thù lao của các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ quyết định trên cơ sở đề nghị của HĐQT và Ban Kiểm soát.*** | bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật |
| **Điều 19 - Trình tự và thẩm quyền phân phối lợi nhuận** | | | |
| Điều 19, khoản 4 | 19.4 ***Tiền thù lao*** , tiền thưởng của các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban quản lý do ĐHĐCĐ quyết định trên cơ sở đề nghị của HĐQT ***và Ban Kiểm soát*** . | 19.4 Tiền thưởng của các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban quản lý do ĐHĐCĐ quyết định trên cơ sở đề nghị của HĐQT. | Tiền thù lao đã đưa vào điều 17, khoản 17.7 |
| Điều 19, khoản 5 | ***19.5 Tiền thưởng của các thành viên Ban Tổng Giám đốc do HĐQT quyết định theo đề nghị của Tổng Giám đốc.*** | ***19.5 Mức tiền thưởng của các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng do HĐQT quyết định trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc*** | điều chỉnh phù hợp với quy định của Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH áp dụng đối với cty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước |

| Nội dung<br>(Điều khoản/mục/trích yếu) | Quy định tại Quy chế tài chính công ty hiện hành | Đề nghị sửa đổi | Lý do sửa đổi |
|---|---|---|---|
| Điều 19, khoản 6 | 19.6 Phần lợi nhuận sau khi trừ các khoản 19.1, 19.2, 19.3, 19.4, 19.5 của điều này được Công ty trích lập cho các quỹ: ***quỹ dự phòng tài chính*** , quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi. Tỷ lệ trích cho từng quỹ được thực hiện theo ***điều 59*** của Điều lệ Công ty. | 19.6 Phần lợi nhuận sau khi trừ các khoản 19.1, 19.2, 19.3, 19.4, 19.5 của điều này được Công ty trích lập cho các quỹ: quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi. Tỷ lệ trích cho từng quỹ được thực hiện theo ***điều 60*** của Điều lệ Công ty. | Thông tư 200/2014/TT-BTC không đề cập đến nội dung này |
| **Điều 20 - Mục đích sử dụng các quỹ** | | | |
| Điều 20, khoản 2 | 20.2 Quỹ dự phòng tài chính dùng để: Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản mà Công ty phải chịu trong quá trình kinh doanh. | bỏ khoản mục này | Thông tư 200/2014/TT-BTC không đề cập đến nội dung này |
| **Điều 28 - Điều khoản thi hành** | | | |
| Điều 28, khoản 1 | 28.1 Quy chế này bao gồm 8 chương và 28 điều có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký quyết định ban hành. | 28.1 Quy chế này bao gồm 8 chương và 28 điều ***được ĐHDCĐ thông qua và*** có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký quyết định ban hành. | quy trình phù hợp với qui định của pháp luật |
| Điều 28, khoản 5 | 28.5 Trong quá trình thực hiện, nếu gặp khó khăn, vướng mắc hoặc khi thấy cần thiết phải sửa đổi, bổ sung quy chế cho phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Kế toán trưởng sẽ xem xét, ***và đề nghị với Tổng Giám đốc và HĐQT để quyết định.*** | 28.5 Trong quá trình thực hiện, nếu gặp khó khăn, vướng mắc hoặc khi thấy cần thiết phải sửa đổi, bổ sung quy chế cho phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Kế toán trưởng sẽ xem xét, đề nghị với Tổng Giám đốc và HĐQT ***trình ĐHDCĐ thông qua*** . | quy trình phù hợp với Điều lệ và qui định của pháp luật |